

**CÔNG TY TNHH NỘI THẤT PHÁT TRIỂN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT PHÁT TRIỂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702924865

**3. Ngày thành lập:** 28/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 68, Ấp Bình Cơ, Xã Bình Mỹ, Huyện Bắc Tân Uyên,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0933 902853

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Khai thác gỗ<br>Chỉ được hoạt động khi đủ điều kiện về đất đai, phòng cháy, môi trường                                                                                        | 0220     |
| 2.  | In ấn                                                                                                                                                                         | 1811     |
| 3.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                      | 1812     |
| 4.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>Chỉ được hoạt động khi đủ điều kiện về đất đai, phòng cháy, môi trường                                                                      | 1610     |
| 5.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác<br>Chỉ được hoạt động khi đủ điều kiện về đất đai, phòng cháy, môi trường                                                   | 1621     |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính) | 1629     |
| 7.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chỉ được hoạt động khi đủ điều kiện về đất đai, phòng cháy, môi trường                                                                       | 3100     |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội, ngoại thất. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng tương tự.                                    | 4649     |
| 9.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                             | 4101     |
| 10. | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                    | 5224     |
| 11. | Thoát nước và xử lý nước thải<br>(không chứa, phân loại, xử lý, tái chế phế liệu tại địa điểm trụ sở chính)                                                                   | 3700     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                        | 4933        |
| 13. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng trang trí nội, ngoại thất                            | 4759        |
| 14. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                             | 7310        |
| 15. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>Chi tiết: Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học ( không hoạt động tại trụ sở ) | 3900        |
| 16. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                | 4311        |
| 17. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                               | 4102        |
| 18. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                         | 4211        |
| 19. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: cho thuê máy móc ngành xây dựng.                                                                                                                          | 7730        |
| 20. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                     | 4229        |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Thi công trang trí nội, ngoại thất                                                                                                                                                                        | 4330        |
| 22. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                    | 4632        |
| 23. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                     | 4312        |
| 24. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                           | 5210        |
| 25. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                 | 4322        |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: bán buôn máy móc ngành xây dựng.                                                                                                                                                         | 4659        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: đại lý bán vé máy bay.                                                                                                                                                               | 5229        |
| 28. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ môi giới kết hôn, nhận cha mẹ con nuôi, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài)                                                                                                                                | 4610        |
| 29. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn gỗ các loại; bán buôn sơn, vật liệu xây dựng ;bán buôn gỗ cây, tre, nứa.                                                                                                | 4663        |
| 30. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                        | 4631        |
| 31. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Tư vấn, thiết kế trang trí nội, ngoại thất.                                                                                                                                                               | 7410(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng) | 4620 |
| 33. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - thiết kế kết cấu công trình xây dựng - thiết kế kiến trúc công trình xây dựng - Giám sát công trình dân dụng và công nghiệp - lập dự án đầu tư: báo cáo tiền khả thi – khả thi. - Lập tổng dự toán và dự toán công trình, tư vấn đấu thầu. - đo đạc bản đồ. | 7110 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN HÀ  | Khu phố Long Bình, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam     | 10.000.000.000        | 50,000    | 281314841                                                                                                                                         |         |
| 2   | TÀ THỊ TÂM     | Tổ 9, Khu 7, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam        | 10.000.000.000        | 50,000    | 024185000158                                                                                                                                      |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TẠ THỊ TÂM

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/07/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 024185000158

Ngày cấp: 21/08/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 9, Khu 7, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 9, Khu 7, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương